

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ CÀ MAU  
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 04/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 14-01-2025

“V/v ly hôn”

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Ông Trương Thanh Quốc

**Các Hội thẩm nhân dân:** Ông Nguyễn Hoàng Kha

Ông Huỳnh Hoàng Khởi

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Ngô Thị Diễm Quỳnh, là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 14 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau. Xét xử sơ thẩm vụ án dân sự tranh chấp hôn nhân gia đình thụ lý số: 560/2024/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 10 năm 2024 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 344/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Chị Lê Thị Ngọc D, sinh năm: 1979. Địa chỉ cư trú: Tổ 5, khóm T, thị t, huyện B, tỉnh V., (vắng mặt).

**Bị đơn:** Anh Bùi Tấn H, sinh năm: 1978. Địa chỉ cư trú: Số 213, đường T, khóm 4, phường Th, thành phố C, tỉnh C, (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lê Thị Ngọc D trình bày:*

- Về hôn nhân: Chị và anh Bùi Tấn H tự nguyện kết hôn vào năm 2004, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Tân Thành, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau. Vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không hợp tính tình, thường xuyên cự cãi. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu ly hôn với anh H.

- Về con chung: Trong quá trình chung sống, anh chị có 01 người con chung tên Bùi Gia Tường, sinh ngày 30/12/2012, hiện đang sống chung với chị. Khi ly hôn, chị yêu cầu trực tiếp nuôi con, không đặt ra trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Chị xác định tự thỏa thuận.

- Về nợ chung: Chị xác định không có nợ chung.

Do nhà xa, điều kiện đi lại khó khăn nên chị yêu cầu được vắng mặt tại các phiên toà xét xử của Toà án.

Đối với anh Bùi Tấn H, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án nhưng anh vẫn vắng mặt không có lý do và không có văn bản nêu ý kiến gửi Tòa án về các vấn đề chị D yêu cầu.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Bùi Tấn H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến Tòa án để tham gia phiên tòa nhưng anh vắng mặt không lý do, chị D xin vắng mặt tại các phiên toà xét xử nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh, chị là phù hợp quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị D và anh H xác lập quan hệ vợ chồng trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp và được pháp luật bảo vệ. Quá trình chung sống chị D xác định giữa vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, vợ chồng bất đồng quan điểm, tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H.

Xét thấy, hôn nhân là mối quan hệ mà phải được cả hai người cùng có trách nhiệm xây dựng trên tinh thần tự nguyện, thông cảm, sẻ chia với nhau về mọi mặt trong đời sống nhưng hiện nay chị D xác định đã không còn tình cảm với anh H và không thể tiếp tục chung sống với anh. Để tạo điều kiện cho anh chị hàn gắn tình cảm vợ chồng, Tòa án đã tiến hành triệu tập anh chị đến Tòa án để hoà giải nhưng anh vẫn vắng mặt, không có ý kiến về việc chị D yêu cầu ly hôn. Nhận thấy, tình trạng hôn nhân của anh chị đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị D về việc ly hôn với anh H.

[3] Về con chung: Trong quá trình chung sống, anh chị có 01 người con chung tên Bùi Gia Tường, sinh ngày 30/12/2012. Khi ly hôn, chị yêu cầu trực tiếp nuôi con, anh H không có ý kiến phản đối việc chị D yêu cầu trực tiếp nuôi con. Ngoài ra, việc chị yêu cầu trực tiếp nuôi con cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu Tường nên việc tiếp tục giao con cho chị D trực tiếp nuôi là phù hợp. Anh H có nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở. Do đương sự không đặt ra trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Căn cứ vào:**

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 228, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Khoản 1 Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Khoản 6 Điều 26, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

**Tuyên xử:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Lê Thị Ngọc D về việc ly hôn với anh Bùi Tấn H. (Giấy chứng nhận kết hôn số 07 quyển số 02/2004 ngày 16/12/2004 của UBND phường Tân Thành, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau).

2. Về con chung: Giao cháu Bùi Gia Tường, sinh ngày 30/12/2012 cho chị D trực tiếp nuôi. Anh H có nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Chị Lê Thị Ngọc D phải chịu án phí hôn nhân và gia đình số tiền 300.000 đồng, được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0009549 ngày 25/10/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cà Mau.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Chị D, anh H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND Tp. Cà Mau;
- UBND phường 4, Tp. Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đã ký

**Trương Thanh Quốc**

